

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã**  
**và kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác ở xã trình HĐND cấp xã**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ  
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;  
Căn cứ biên bản thảo luận ngày 31/10/2021 về kế hoạch thu- chi ngân sách  
năm 2022 xã Văn Yên.

Xét đề nghị của Ban tài chính xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán ngân sách xã trình HĐND cấp xã.

(Theo các biểu mẫu số 103;104;105/; 106;107 CK - NSNN về thuyết minh kèm theo quyết  
định này)

**Điều 2.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Văn Yên, Ban tài chính thực hiện  
công khai trên cổng thông tin điện tử xã Văn Yên./.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Ngô Văn Thắng**



**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: nghìn đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>6.022.415.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>6.022.415.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	150.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		II. Chi thường xuyên	5.700.088.000
III. Thu bổ sung	5.736.111.000	III. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để chi cải cách tiền lương	81.023.000
- Bổ sung cân đối	5.736.111.000		
- Bổ sung có mục tiêu	0		
IV. Thu chuyển nguồn	136.304.000	IV. Chi chuyển nguồnn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang	136.304.000
V. Thu quản lý qua ngân sách		V. Dự phòng	105.000.0000

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021		DỰ TOÁN NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>9.232.823.243</b>	<b>9.232.823.243</b>	<b>6.022.415.000</b>	<b>6.022.415.000</b>		
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>70.364.324</b>	<b>70.364.324</b>	<b>67.000.000</b>	<b>67.000.000</b>		
	Phí, lệ phí	37.325.000	37.325.000	36.000.000	36.000.000		
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.700.000	5.700.000	6.000.000	6.000.000		
	Thu khác	33.039.324	33.039.324	25.000.000	25.000.000		
	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>109.809.714</b>	<b>109.809.714</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>		
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia</b>						
1	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	572.814	572.814				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	30.677.005	30.677.005				
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	72.859.900	72.859.900	70.000.000	70.000.000		
	- Thuế hộ khoán cố định (GTGT)	12.923.284	12.923.284	13.000.000	13.000.000		
	- Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	63.517.173	63.517.173	50.000.000	50.000.000		
	- Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	6.536.647	6.536.647	7.000.000	7.000.000		



	-Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công	-10.117.204	-10.117.204			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)					
IV	Thu chuyển nguồn	90.251.000	90.251.000	136.304.000	136.304.000	85,62
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	134.248.405	134.248.405			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			5.736.111.000	5.736.111.000	
	- Thu bổ sung cân đối	4.32.816.000	4.32.816.000	5.736.111.000	5.736.111.000	
	- Thu bổ sung có mục tiêu	4.506.333.800	4.506.333.800	0	0	



## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2022			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>5.783.718.000</b>			<b>6.022.415.000</b>	<b>06.022.415.000</b>				
	Trong đó									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	80.460.000			80.460.000		80.460.000			
4	Chi văn hóa, thông tin	100.000.000			31.500.000		31.500.000			
5	Chi phát thanh, truyền thanh	6.000.000								
6	Chi thể dục thể thao	22.500.000			22.500.000		22.500.000			
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	22.500.000			131.500.000		131.500.000			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.128.658.000			5.200.128.000		5.200.128.000			
10	Chi cho công tác xã hội	230.000.000			224.000.000		224.000.000			
11	Chi khác				10.000.000		10.000.000			
12	Dự phòng ngân sách	55.000.000			105.000.000		105.000.000			
13	Triết kiệm 10% chi thường xuyên để chi cải cách tiền lương	75.100.000			81.023.000		81.023.000			
14	Nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang				136.304.000		136.304.000			



Biểu số 106/CK TC-NSNN

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2022**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2019	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2019	Dự toán năm 2020			Đơn vị: 0 đồng
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
							Nguyên cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	
<b>TỔNG SỐ</b>									
<b>1. Công trình chuyển tiếp</b>									
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>									
<b>2. Công trình khởi công mới</b>									
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>									

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh



**KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021 (năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM 2022		
	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>				<b>140.000.000</b>	<b>135.000.000</b>	
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
- Quỹ Nhân đạo	17.087.000	12.000.000	5.087.000	20.000.000	20.000.000	0
- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	22.335.000	0	22.335.000	20.000.000	20.000.000	0
- Quỹ vì người nghèo	27.018.000	11.150.000	15.868.000	20.000.000	20.000.000	0
- Quỹ Bảo trợ trẻ em	15.193.000	18.140.000	-2.947.000	15.000.000	15.000.000	0
- Quỹ Người cao tuổi	32.622.000	22.105.000	10.517.000	25.000.000	20.000.000	5.000.000
- Quỹ Tết vì người nghèo	30.543.000	30.543.000	0			
- Quỹ phòng chống thiên tai						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bón bãi				40.000.000	40.000.000	0

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

Văn yên, ngày 25 tháng 12 năm 2021

**CÔNG KHAI**  
**Thuyết minh dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động**  
**tài chính khác ở xã năm 2022**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND huyện Đại Từ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2022 huyện Đại Từ;

UBND xã Văn yên thực hiện công khai dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã năm 2022 như sau:

**1. Cân đối ngân sách xã năm 2022 (đính kèm biểu số 103/CK TC-NSNN)**

- Tổng số thu: 6.022.415.000 đồng

*Trong đó:* + Các khoản thu xã hưởng 100%: 150.000.000 đồng

+ Thu bổ sung: 5.736.111.000 đồng

+ Thu CN từ CCTL năm 2021 : 136.304.000 đồng

- Tổng số chi: 6.022.415.000 đồng

*Trong đó:* + Chi thường xuyên: 5.700.088.000 đồng

+ Dự phòng: 105.000.000 đồng

+ Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để chi cải cách tiền lương:  
81.023.000 đồng

+ Thu CN từ CCTL năm 2021 : 136.304.000 đồng

**2. Dự toán thu ngân sách xã năm 2022 (đính kèm biểu số 104/CK TC-NSNN)**

Dự toán thu ngân sách năm 2022: 6.022.415.000 đồng

*Trong đó:* + Thu cân đối ngân sách xã hưởng: 150.000.000 đồng

+ Thu bổ sung: 5.736.111.000 đồng

+ Thu CN từ CCTL năm 2021 : 136.304.000 đồng

**3. Dự toán chi ngân sách xã năm 2022 (đính kèm biểu số 105/CK TC-NSNN)**





Dự toán chi ngân sách năm 2022:

- Tổng số chi: 6.022.415.000 đồng

Trong đó: + Chi thường xuyên: 5.700.088.000 đồng

+ Dự phòng: 105.000.000 đồng

+ Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để chi cải cách tiền lương:  
81.023.000 đồng

+ Thu CN từ CCTL năm 2021 : 136.304.000 đồng

**4. Dự toán chi đầu tư phát triển năm 2022 (đính kèm biểu số 106/CK TC-NSNN)**

Chi đầu tư phát triển : Phân bổ theo nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư xây dựng năm 2022 theo quyết định của UBND huyện

**5. Kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác năm 2022**

- Thu các loại quỹ công chuyên dùng bao gồm các loại quỹ:

+ Quỹ Nhân đạo: 20.000.000 đồng/năm

+ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa: 20.000.000 đồng/năm

+ Quỹ Vì người nghèo: 20.000.000 đồng/năm

+ Quỹ Bảo trợ trẻ em: 15.000.000 đồng/năm

+ Quỹ Người cao tuổi: 25.000.000 đồng/năm

+ Quỹ phòng chống thiên tai: 40.000.000 đồng/năm

Trên đây là thuyết minh dự toán dự toán ngân sách xã năm 2022 và kế hoạch hoạt động tài chính khác năm 2022 trình hội đồng nhân dân cấp xã.

**Nơi nhận:**

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các xóm;
- Lưu: VP,KT.



Ngô Văn Thắng

